

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 1010 /ĐHH-ĐT

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 7 năm 2019

V/v: đóng góp ý kiến về Quy định
xây dựng và hoàn thiện CTĐT theo
CDR ở ĐHH

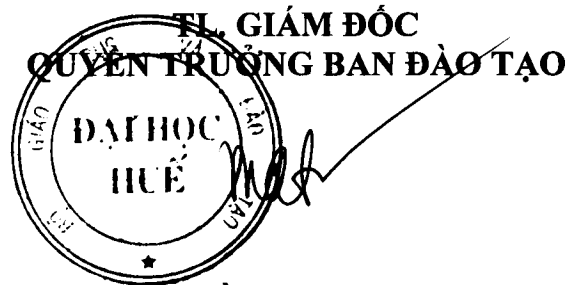
Kính gửi: Các đơn vị đào tạo thành viên và trực thuộc

Được sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Đại học Huế về việc chuẩn hoá công tác xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra trong toàn Đại học Huế, Ban Đào tạo đã dự thảo Quy định xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra ở Đại học Huế.

Đại học Huế đề nghị các đơn vị đào tạo thành viên và trực thuộc đóng góp ý kiến cho dự thảo. Ý kiến góp ý gửi đến Đại học Huế (qua Ban Đào tạo), file mềm qua email bandaotao@hueuni.edu.vn, trước ngày 10 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc ĐHH;
- PGĐ Huỳnh Văn Chương;
- Lưu: VT, Ban ĐT. VVMN. *cu*



Trần Trung Hỷ

DỰ THẢO

**QUY ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA Ở ĐẠI HỌC HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHH ngàythángnăm 2019
của Giám đốc Đại học Huế)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này áp dụng cho việc xây dựng chuẩn đầu ra của ngành học; xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra; triển khai đào tạo; kiểm tra, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo bằng phương pháp CDIO tại Đại học Huế.

2. Quy định này áp dụng đối với các Trường, Viện thành viên và Khoa trực thuộc Đại học Huế (sau đây gọi tắt là các đơn vị đào tạo) và các cá nhân liên quan đến việc xây dựng mới, hoàn thiện và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.

Điều 2. Các khái niệm, thuật ngữ

1. Quy trình đào tạo bao gồm xây dựng và áp dụng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và học tập (kể cả nghiên cứu khoa học), thực thi chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tuyển sinh và cấp bằng tốt nghiệp.

2. CDIO (Conceive – hình thành ý tưởng; Design – thiết kế ý tưởng; Implement – thực hiện; Operate – vận hành) là một giải pháp tổng thể cho toàn bộ quá trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, bao gồm việc xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế chương trình đào tạo, triển khai chương trình đào tạo và đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo để cải tiến chúng.

3. Chương trình đào tạo là hệ thống các môn học thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của bậc đào tạo. Chương trình đào tạo được xây dựng và hoàn thiện theo phương pháp CDIO nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm, trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành (năng lực CDIO) và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra

a) Chuẩn đầu ra thể hiện mục tiêu đào tạo trong đó bao gồm các nội dung và mức độ về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng chương trình và ngành đào tạo. Chuẩn đầu ra được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hàng

năm đảm bảo cam kết của đơn vị đào tạo với yêu cầu của xã hội, của đơn vị sử dụng sinh viên tốt nghiệp.

b) Các nội dung của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng được xác định theo các khối kiến thức mô tả trong quy chế đào tạo. Việc xây dựng chuẩn đầu ra được giao cho đơn vị đào tạo chủ trì, khoa (thuộc trường đại học) hoặc bộ môn (trong khoa trực thuộc) thực hiện. Chuẩn đầu ra được sử dụng làm cơ sở để thiết kế (hoặc điều chỉnh) chương trình đào tạo, tổ chức thực thi chương trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo.

c) Mỗi môn học có chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết (Phụ lục 11), có vai trò riêng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hệ thống môn học tích hợp thành chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

Điều 3. Mục tiêu

Đào tạo theo phương pháp tiếp cận CDIO trang bị những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp để đương đầu với những thách thức chuyên môn luôn phát triển, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng cao yêu cầu của thực tế và thích ứng tốt với môi trường làm việc luôn thay đổi. Việc cải tiến, đổi mới các ngành đào tạo về phương pháp đào tạo, cách thức triển khai đào tạo và đánh giá cải tiến dựa trên cơ sở xác định nội dung và mức độ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm toàn diện của sinh viên khi tốt nghiệp.

Chương II

XÂY DỰNG CHUẨN ĐẦU RA

Điều 4. Chuẩn đầu ra chi tiết hóa và cụ thể hóa các nội dung quy định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của nguồn nhân lực được đào tạo.

1. Chuẩn về kiến thức

Chuẩn về kiến thức bao gồm chuẩn đầu ra cho các khối kiến thức như sau:

1.1. Khối kiến thức chung trong toàn Đại học Huế (*về kiến thức nền tảng chung, kiến thức phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan*), bao gồm: Kiến thức về giáo dục chính trị; Kiến thức về an ninh quốc phòng; Kiến thức về giáo dục thể chất; Kiến thức về ngoại ngữ; Kiến thức về Công nghệ thông tin và Kiến thức về pháp luật.

1.2. Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo (*về kiến thức chung đặc trưng của lĩnh vực đào tạo, kiến thức khối ngành*)

1.3. Khối kiến thức chung của nhóm ngành (*về kiến thức khoa học cốt lõi đặc trưng của nhóm ngành*).

1.4. Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp (*kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, liên quan đến việc thực tập, thực tế, niên luận, khóa luận, đồ án...*).

2. Chuẩn về kỹ năng

2. 1. Kỹ năng nghề nghiệp

2.1.1. Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề (các kỹ năng như lập kế hoạch, tổ chức sắp xếp công việc, đặt mục tiêu, tạo động lực, chăm sóc đối tác, nhận thức và bắt kịp với sự thay đổi của môi trường, lập và quản lý ngân sách, điều hành các cuộc họp hiệu quả, quản lý dự án, kiểm soát stress, xây dựng đội ngũ vững mạnh, quảng bá thương hiệu trên Internet, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành);

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề (gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị);

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (gồm khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức);

2.1.4. Kỹ năng tư duy một cách hệ thống (là khả năng phân tích vấn đề theo logic có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ);

2.1.5. Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề (gồm trách nhiệm của các cử nhân, hiểu tác động của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, các vấn đề và giá trị thời đại, bối cảnh toàn cầu);

2.1.6. Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc (văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị, ...);

2.1.7. Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp; khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề nghiệp; khả năng phát hiện và giải quyết hợp lý vấn đề trong nghề nghiệp);

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp (có khả năng nghiên cứu cải tiến hoặc phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi đó; cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ Khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới và tiên tiến).

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời ...);

2.2.2. Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp);

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ (đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

2.2.6. Các kỹ năng mềm khác.

3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân (*sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo...*);

3.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với nghề nghiệp (*đạo đức nghề nghiệp, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động, ...*);

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với xã hội (*có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới*).

Điều 5. Các bước xây dựng chuẩn đầu ra

Bước 1. Trưởng khoa (khoa của Trường, Viện thành viên) hoặc Trưởng bộ môn (bộ môn thuộc Khoa trực thuộc), sau đây gọi chung là lãnh đạo đơn vị chuyên môn, thành lập nhóm và chỉ định trưởng nhóm chuyên gia xây dựng chuẩn đầu ra cho ngành đào tạo. Nhóm chuyên gia gồm các đại diện của cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, ...); giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; chuyên gia trong và ngoài nước từ các trường đại học và viện nghiên cứu liên quan đến ngành đào tạo; sinh viên và cựu sinh viên.

Bước 2. Lãnh đạo đơn vị chuyên môn tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng chuẩn đầu ra (Hội thảo lần 1).

Bước 3. Nhóm chuyên gia nghiên cứu các chương trình đào tạo hiện hành của ngành (trong và ngoài Đại học Huế), đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia, đề xuất các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm tương ứng với ngành đào tạo để có danh mục chuẩn đầu ra của ngành (Dự thảo CDR 1) hướng tới sản phẩm đào tạo cụ thể theo định hướng nghề nghiệp. Nhóm chuyên gia lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện chuẩn đầu ra.

Bước 4. Nhóm chuyên gia tham khảo câu hỏi mẫu để thiết kế phiếu điều tra phù hợp với các đối tượng được hỏi và những thông tin cần biết (Phụ lục 1, 2). Tập huấn cho cán bộ, nhân viên và những người thực hiện khảo sát. Mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được mô tả theo các cấp độ thành thạo: biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra. Kết quả của bước này là Mẫu phiếu điều tra cho các đối tượng khác nhau.

Bước 5. Nhóm chuyên gia thực hiện điều tra khảo sát thu thập thông tin từ các đối tượng bao gồm: giảng viên, cán bộ phòng đào tạo, trung tâm/bộ phận kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục đại học, cán bộ và lãnh đạo phòng nhân sự, trưởng các bộ phận của đơn vị sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp trong vòng 5 năm, cựu sinh viên tốt nghiệp trên 15 năm, sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm cuối,

Bước 6. Nhóm chuyên gia tập hợp và xử lý số liệu thu được (sử dụng phần mềm chuyên dụng). Đối với các dữ liệu định lượng: lập bảng biểu và xử lý kết quả; thực hiện các thống kê mô tả, tần suất và tính toán độ tin cậy của các câu trả lời và xử lý

thông tin. Đối với các dữ liệu định tính: đọc tất cả các câu trả lời; sắp xếp thành những nhóm tương đồng; phân loại nhóm theo tiêu chí; xác định các câu trả lời điển hình hoặc mối liên hệ của các câu trả lời trong mỗi nhóm. Từ thông tin thu được, nhóm chuyên gia bổ sung, hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra cho ngành đào tạo, gửi các giảng viên trong khoa/bộ môn góp ý. Trên cơ sở này xây dựng Dự thảo CĐR lần 2.

Bước 7: Lãnh đạo đơn vị chuyên môn tổ chức Hội thảo lần 2 để lấy ý kiến đóng góp từ đại diện các nhà quản lý (cán bộ phòng đào tạo, trung tâm/bộ phận kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục đại học), nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên...; hoàn thiện chuẩn đầu ra dựa vào định vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo; đối chiếu, rà soát các khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đã được trang bị theo dự thảo CĐR 2 có phù hợp với yêu cầu vị trí công việc của sản phẩm đào tạo của ngành học (Phụ lục 3); tóm tắt chuẩn đầu ra theo hệ thống để xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo tương ứng.

Bước 8: Thủ trưởng đơn vị đào tạo (Hiệu trưởng, Viện trưởng hoặc Khoa trưởng khoa trực thuộc) tập hợp chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp thêm và thông qua Hội đồng khoa học đào tạo để có được chuẩn đầu ra hoàn thiện của tất cả các ngành đào tạo trong đơn vị. Sản phẩm của bước này là Bản chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo của đơn vị (Phụ lục 4).

Bước 9: Sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp và hoàn thiện văn bản chuẩn đầu ra, thủ trưởng đơn vị đào tạo ký công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo của đơn vị. Chuẩn đầu ra được đăng trên trang chủ (website) của đơn vị và của Đại học Huế, sổ tay sinh viên, sổ tay giảng viên, tờ rơi và gửi báo cáo Đại học Huế (qua Ban Đào tạo).

Chương 3

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Chương trình đào tạo tích hợp và trải nghiệm

1. Khung chương trình đào tạo trong Đại học Huế được sắp xếp theo các khối kiến thức được quy định trong Quy chế đào tạo.

2. Nguyên tắc xây dựng và hoàn thiện chương trình: Thực hiện quy định của Quy chế đào tạo theo cách tiếp cận CDIO nhằm đạt tiêu chí đào tạo tích hợp và đào tạo trải nghiệm.

Chương trình đào tạo tích hợp nhằm:

a) thể hiện mục tiêu của chương trình đào tạo trong kết quả học từng môn học và từng khối kiến thức;

b) đảm bảo các môn học bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau;

c) đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng.

Chương trình đào tạo trải nghiệm nhằm rèn luyện các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học thông qua thực hành và thực tế, trải qua những tình huống tương tự trong thực tế. Chương trình đào tạo tích hợp phát triển các kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm qua nội dung từng môn học và nhóm môn học theo trình tự giảng dạy các môn học thể hiện qua bảng đối chiếu mục tiêu học tập hay

ma trận mục tiêu học tập chỉ rõ mục tiêu học tập từng môn học, từng khối kiến thức đóng góp vào mục tiêu của chương trình đào tạo.

3. Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá ứng với chuẩn đầu ra trong từng giai đoạn của quá trình đào tạo (hình thức, phương pháp, thời lượng, thời hạn, kĩ thuật kiểm tra đánh giá), phù hợp với đặc thù của từng môn học trong tiến trình của toàn khóa đào tạo.

Điều 7. Các bước xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo

Việc khảo sát để thu thập thông tin về chương trình đào tạo từ các bên liên quan được tiến hành đồng thời với việc khảo sát để xây dựng chuẩn đầu ra với bộ công cụ phù hợp. Các bước tiến hành xây dựng và hoàn thiện chương trình tương tự như việc xây dựng chuẩn đầu ra:

Bước 1. Lãnh đạo đơn vị chuyên môn thành lập nhóm và chỉ định trưởng nhóm chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo. Thành phần nhóm chuyên gia gồm các đại diện cho: các cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp; giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong và ngoài nước liên quan đến ngành đào tạo; sinh viên và cựu sinh viên.

Bước 2. Nhóm chuyên gia nghiên cứu các chương trình hiện hành của ngành (trong và ngoài Đại học Huế), đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia và dựa vào chuẩn đầu ra dự kiến khung chương trình đào tạo với các khối kiến thức hoặc các module các môn học trong từng khối kiến thức/module và mối liên hệ giữa các môn học. Sản phẩm của bước này là Dự thảo chương trình đào tạo lần 1.

Bước 3. Nhóm chuyên gia thảo luận thiết kế phiếu điều tra (Phụ lục 5), lập kế hoạch điều tra khảo sát, xác định thông tin cần thu thập, các đối tượng và thời gian điều tra khảo sát, dự toán kinh phí điều tra khảo sát, tập huấn, tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra,... và tiến hành điều tra khảo sát các nhóm đối tượng có liên quan như đối tượng điều tra khảo sát CĐR. Trên cơ sở xử lý phiếu điều tra và thông tin liên quan, hoàn thiện chương trình đào tạo để xây dựng Dự thảo chương trình đào tạo lần 2.

Bước 4. Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học trong Dự thảo chương trình đào tạo lần 2 theo chuẩn đầu ra đã được phê duyệt theo trình tự sau:

1) Lãnh đạo đơn vị chuyên môn tổ chức hội thảo về xây dựng chuẩn đầu ra cho các môn học trong chương trình.

2) Từ chuẩn đầu ra của chương trình, các nhóm, tổ chuyên môn tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học.

3) Lãnh đạo đơn vị chuyên môn tổ chức họp Hội đồng khoa học đào tạo đánh giá chuẩn đầu ra các môn học.

4) Các nhóm, tổ chuyên môn tổ chức điều chỉnh chuẩn đầu ra theo kết luận của Hội đồng khoa học đào tạo.

Kết quả của bước này là Chuẩn đầu ra tích hợp trong các môn học của chương trình đào tạo đề xuất (Phụ lục 6).

Bước 5. Xây dựng Ma trận phát triển kiến thức kỹ năng hay trình tự đào tạo các môn học hay lược đồ phát triển kiến thức, kỹ năng (Phụ lục 7). Hội đồng khoa học đào tạo của đơn vị chuyên môn xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn

học đạt chuẩn đầu ra một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Sản phẩm của bước này là Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng ứng với trình tự thực hiện các môn học đã xác định. Kết quả tổng hợp của ma trận chuẩn đầu ra này giúp xác định trình tự phát triển các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn và là cơ sở để hoàn thiện Dự thảo chương trình đào tạo lần 2.

Bước 6. Lãnh đạo đơn vị chuyên môn tổ chức hội thảo rộng để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, cơ sở tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên... và hoàn thiện chương trình đào tạo nói trên. Sản phẩm bước này là Dự thảo chương trình đào tạo lần 3.

Bước 7: Hội đồng Khoa học – Đào tạo khoa thẩm định, đối chiếu chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và góp ý hoàn chỉnh chương trình đào tạo ứng với việc định vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo. Sản phẩm của bước này là Chương trình đào tạo hoàn chỉnh.

Bước 8: Lãnh đạo đơn vị đào tạo (Hiệu trưởng, Viện trưởng hay Khoa trưởng) trình chương trình đào tạo hoàn chỉnh để Đại học Huế phê duyệt và chính thức ban hành chương trình đào tạo.

Căn cứ vào điều kiện đặc thù của mình các đơn vị đào tạo xác định chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo, chuẩn đầu ra của từng môn học để hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm đáp ứng cao nhu cầu xã hội và đảm bảo sinh viên khi ra trường có thể làm việc đúng nghề không phải đào tạo lại.

Điều 8. Phương pháp giảng dạy và học tập để đạt chuẩn đầu ra theo phương pháp CDIO đảm bảo sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đã được xác định trong chuẩn đầu ra và theo chương trình đào tạo đã xây dựng.

1. Giảng dạy và học tập tích hợp theo phương pháp CDIO

Trong học tập tích hợp, sinh viên được học, rèn luyện các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, kỹ năng phối hợp, các kỹ năng cốt lõi ngành (kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn) và các năng lực CDIO đồng thời với việc học các kiến thức. Học tập tích hợp thể hiện qua việc học từng môn học và tiến hành các hoạt động thực hành, thực tế theo một lộ trình tích hợp đã được thiết kế sẵn. Giảng dạy và học tập tích hợp phải hướng tới chuẩn đầu ra từng môn học, phù hợp với trình độ và năng lực nhận thức của sinh viên được xây dựng trên cơ sở phân loại mục tiêu học tập. Thí dụ điển hình của học tập tích hợp là học thông qua các bài tập lớn, niên luận, nghiên cứu khoa học, thực hành, điền dã, đi thực tế, nghiên cứu khoa học và khóa luận tốt nghiệp....

Giảng viên môn học xây dựng kịch bản học tập tích hợp cả về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tham gia vào các tình huống nghề nghiệp, nghiên cứu tình huống, mô phỏng và đóng vai người giải quyết công việc và các hoạt động khác để đạt chuẩn đầu ra của môn học.

2. Giảng dạy và học tập chủ động - trải nghiệm

Triển khai phương pháp học tập chủ động và phương pháp học tập trải nghiệm làm cho việc học tập trở nên hấp dẫn và nhằm đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Phương pháp học tập chủ động buộc sinh viên phải tư duy và tham gia trực tiếp vào các hoạt động phát hiện và giải quyết vấn đề. Bằng cách tư duy về các khái niệm và phân tích, đánh giá các ý tưởng, sinh viên không chỉ học được nhiều hơn mà còn tự đánh giá được mình đã học cái gì và học như thế nào từ đó hình thành động lực và thói quen học tập theo chiều sâu và học tập suốt đời.

Để giảng dạy chủ động, giảng viên đóng vai trò chủ động kết nối các khái niệm đã học với các tính huống mới, khác với tình huống đã được học, Giảng viên thiết kế bài giảng, phương pháp giảng dạy và cách kiểm tra đánh giá phù hợp. Các phương pháp giảng dạy phù hợp gồm phương pháp giảng dạy nêu vấn đề, giảng dạy dựa trên bài toán thực tiễn, sử dụng các câu hỏi để kiểm tra mức độ hiểu các khái niệm, tổ chức cho sinh viên thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm, sử dụng hệ thống trả lời điện tử, đánh dấu các vấn đề sinh viên sẵn sàng trình bày....

Trong phương pháp học tập trải nghiệm thực tiễn, sinh viên tham gia vào các tình huống mô phỏng thực tế, các dự án thực tế hoặc giải quyết các trường hợp nghiên cứu điển hình, sử dụng các phương thức, cách thức để thu thập thông tin và số liệu để đánh giá kết quả học tập dự kiến dựa vào chuẩn đầu ra theo các tiêu chí rõ ràng. Để thực hiện giảng dạy trải nghiệm thực tiễn, giảng viên thiết kế và sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau như: dựa vào dự án, mô phỏng, các nghiên cứu điển hình... Giảng viên kết hợp một hay nhiều phương pháp giảng dạy trong từng môn học, tùy thuộc vào mục tiêu học tập và điều kiện thực tế.

Điều 9. Kiểm tra đánh giá để đạt chuẩn đầu ra

1. Kiểm tra đánh giá khuyến khích sinh viên học tập tích cực và chủ động, không chỉ đánh giá kiến thức, mà còn cả kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên trong suốt quá trình học. Trước khi học môn học, giảng viên công bố cho sinh viên biết yêu cầu, tiêu chí, thứ tự, phần trăm đánh giá của từng loại hình kiểm tra đánh giá trước, trong và cuối kỳ học.

2. Giảng viên sử dụng nhiều cách và đánh giá theo quá trình: trước khi học (kiến thức tiên quyết và tìm hiểu nhu cầu học tập), trong quá trình học, cuối kỳ học để đánh giá tiến bộ và đánh giá theo chuẩn. Các cách đánh giá bao gồm thi viết, thi vấn đáp, đánh giá thuyết trình, làm việc theo nhóm, dự án, nhật ký học tập, tự đánh giá, sinh viên đánh giá lẫn nhau... Kết quả kiểm tra đánh giá còn được sử dụng để đổi mới và hoàn thiện phương pháp dạy và học (đánh giá cải tiến).

Các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá trên đây được thể hiện một cách cô đọng trong chương trình đào tạo.

Điều 10. Đánh giá cải tiến chương trình và nội dung đào tạo

Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh và bổ sung và hoàn thiện để đảm bảo cam kết của nhà trường về chuẩn đầu ra, chất lượng sản phẩm đào tạo đáp ứng cao yêu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo được đánh giá dựa trên các tiêu chí được xây dựng có điều chỉnh về mặt nội dung và lựa chọn phù hợp với ngành đào tạo từ 12 tiêu chuẩn CDIO (Phụ lục 8). Mỗi tiêu chuẩn CDIO được đánh giá theo 5 mức, từ mức 0 (mức thấp nhất) đến mức 4 (mức cao nhất) (Phụ lục 9). Việc đánh giá theo từng tiêu chuẩn được tiến hành thường xuyên theo từng nội dung cụ thể hay theo các tiêu chuẩn để kết thúc một môn học, kết thúc học kỳ, kết thúc năm học, kết thúc chương trình học.

Việc đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cần các minh chứng về dữ liệu đầu

vào, các quy trình và các dữ liệu đầu ra. Dữ liệu đầu vào gồm chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá, hiện trạng và sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn lực khác. Các quy trình bao gồm quy trình giảng dạy, đánh giá và bản thân việc đánh giá chất lượng và hiệu quả của chương trình. Các dữ liệu đầu ra gồm kết quả học tập, việc làm của sinh viên và phát triển, mức độ đạt chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo. Thu thập các minh chứng phục vụ cho đánh giá chương trình đào tạo thông qua:

- Tài liệu liên quan đến chương trình đào tạo (mục tiêu, khung chương trình, đề cương môn học, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và học tập);
- Phòng vấn cá nhân và phỏng vấn theo nhóm;
- Sử dụng phiếu điều tra, nhật ký giảng dạy;
- Sử dụng các chuyên gia đánh giá ngoài và theo dõi kết quả học tập của sinh viên theo thời gian.

Các minh chứng kể trên được thu thập thường xuyên và sử dụng trong việc tự đánh giá và đánh giá hàng năm để nâng cấp và đổi mới chương trình đào tạo.

Điều 11. Tổ chức nghiệm thu chương trình đào tạo cấp Đại học Huế

1. Nghiệm thu cấp đơn vị đào tạo (cấp cơ sở)

a) Hồ sơ (Phụ lục 10):

- 03 bản đề án xây dựng mới hoặc hoàn thiện chương trình đào tạo.
- Biên bản hội thảo góp ý xây dựng CDR, xây dựng chương trình đào tạo.
- Danh sách dự kiến thành viên HĐ nghiệm thu, trong đó có các chuyên gia trong và ngoài đơn vị đại diện của cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp.

b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, tổ chức nghiệm thu.

c) Nhóm chuyên gia hoàn thiện chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng và nộp cho đơn vị đào tạo chậm nhất là 2 tuần kể từ ngày nghiệm thu.

2. Nghiệm thu cấp Đại học Huế

a) Hồ sơ (Phụ lục 10):

- Tờ trình xin thẩm định chương trình đào tạo.
- 03 bản đề án xây dựng hoặc hoàn thiện chương trình đào tạo.
- Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở, có ghi rõ kết quả kiểm phiếu.
- Các bản nhận xét của các phản biện tại Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở.
- Ý kiến đánh giá của Hội đồng khoa học đào tạo cấp đơn vị chuyên môn và cấp đơn vị đào tạo; các ý kiến đánh giá từ các chuyên gia trong và ngoài đơn vị.

- Danh sách 05 thành viên (chưa tham gia HĐ nghiệm thu cấp cơ sở) tham gia HĐ nghiệm thu cấp Đại học Huế gồm các chuyên gia ngoài đơn vị - đặc biệt phải có các chuyên gia đại diện cho đơn vị sử dụng sinh viên tốt nghiệp theo chương trình đã được hoàn thiện.

b) Giám đốc Đại học Huế ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, tổ chức

nghiệm thu.

c) Đơn vị đào tạo hoàn thiện chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng cấp Đại học Huế và nộp cho Đại học Huế (qua Ban Đào tạo) chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu (theo mẫu ở Phụ lục 10).

Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đã được ban hành là cơ sở pháp lý cho việc triển khai đào tạo tại các đơn vị.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Kế hoạch tổ chức thực hiện

Việc xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra bằng phương pháp CDIO được triển khai theo các nhóm ngành: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế - luật, khoa học giáo dục, ngoại ngữ, y học - dược ...

Xây dựng, hoàn thiện và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra bằng phương pháp CDIO liên quan đến tất cả các bên tham gia đào tạo (trong đó có tất cả các bộ phận của đơn vị đào tạo) và thụ hưởng kết quả đào tạo, các giai đoạn đào tạo như giảng dạy, học tập, quản lý cán bộ và sinh viên, cơ sở vật chất, môi trường học tập... Vì vậy, để xây dựng, hoàn thiện và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra bằng phương pháp CDIO cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa tất cả các bên liên quan như trên và cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp nhưng phải xác định được điểm đột phá; bộ phận, cá nhân tiên phong và công việc khởi đầu.

Đào tạo theo phương pháp CDIO đòi hỏi phải đầu tư và tối ưu hóa sử dụng về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, thời gian, kinh phí và các nguồn lực khác. Cơ sở vật chất không chỉ bao gồm không gian và vật chất sử dụng cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu mà còn có môi trường làm việc thỏa mãn nhu cầu học tập và sáng tạo của người học và đào tạo dựa trên thực hành và thực tế.

Ban Đào tạo chủ trì tổ chức tập huấn cho giảng viên, cán bộ quản lý tham gia xây dựng, hoàn thiện và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra bằng phương pháp CDIO.

Các đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra bằng phương pháp CDIO theo tiến độ xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học và báo cáo cho Đại học Huế (qua Ban Đào tạo) để thẩm định và phê duyệt thực hiện.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Linh

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHH ngày ... tháng ... năm 2019
của Giám đốc Đại học Huế)*

Phụ lục 1: Mẫu phiếu điều tra

Phụ lục 2: Kiểm tra tính hiệu lực của chuẩn đầu ra

Phụ lục 3: Định vị nghề nghiệp dựa trên chuẩn đầu ra

Phụ lục 4: Khung mẫu chuẩn đầu ra

Phụ lục 5: Mẫu phiếu điều tra về Khung chương trình đào tạo

Phụ lục 6: Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của các môn học trong chương trình

Phụ lục 7: Trình tự đào tạo các môn học

Phụ lục 8: 12 tiêu chuẩn CDIO và các câu hỏi chủ yếu

Phụ lục 9: Các mức đánh giá trong 12 tiêu chuẩn CDIO

Phụ lục 10: Mẫu đề án xây dựng chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO

Phụ lục 11: Mẫu đề cương chi tiết học phần

*(Các phụ lục này mang tính tham khảo; các điều chỉnh sao cho phù hợp với đặc thù
của từng ngành đào tạo là được phép)*

Phụ lục 1: Mẫu phiếu điều tra

Mã số phiếu:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

- Nêu rõ lý do, mục đích, mục tiêu xin ý kiến (nói rõ muốn thông tin gì ở người được hỏi?)

Ngày thu thập thông tin: /.... /.....

Phương pháp thu thập thông tin: Điện thoại Email Phỏng vấn trực tiếp

Phần 1- Thông tin chung về cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp thông tin

A. Thông tin chung về người cung cấp thông tin

1. Họ và tên:
2. Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ
3. Trình độ học vấn: Tiến sĩ Thạc sĩ Cử nhân Khác
4. Nghề nghiệp: Chức vụ (nếu có):.....
5. Điện thoại: Email:.....

B. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chức

6. Tên đơn vị/tổ chức:.....
7. Địa chỉ
- Điện thoại:..... Email:.....

8. Đơn vị/tổ chức thuộc thành phần/ngành nào?

- Quản lý Nhà nước
- Khu vực viện nghiên cứu, trường Đại học
- Khu vực kinh tế Nhà nước
- Khu vực kinh tế tư nhân
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
- Các tổ chức quốc tế, NGOs...
- Thành phần khác.....

9. Đơn vị/tổ chức thuộc lĩnh vực/ngành nào?

- Nông - Lâm - Thủy sản
- Công nghiệp – Xây dựng
- Thương mại, du lịch, khách sạn – nhà hàng
- Giao thông, vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc
- Tài chính, tín dụng
- Giáo dục, y tế, KH&CN, kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn
- Văn hóa, nghệ thuật, thể thao, xã hội nhân văn
- Quản lý Nhà nước, an ninh, quốc phòng
- Các lĩnh vực khác.....

10. Tổng số nhân lực: Nhỏ hơn 30 30-100 100-300 Trên 300

11. Năm thành lập:

12. Đơn vị/tổ chức của quý ông/bà cần nhân sự liên quan đến lĩnh vực (ngành đào tạo) ở các vị trí nào? Với từng vị trí đó, doanh nghiệp/tổ chức yêu cầu người xin việc phải có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm như thế nào?

STT	Vị trí – Phòng/ban	Yêu cầu		
		Về kiến thức	Về kỹ năng	Về tự chủ và trách nhiệm
1				
2				

13. Theo quý ông/bà, sinh viên ngành ra trường có thể làm **trong những lĩnh vực nào?**

.....

.....

14. Theo quý ông/bà, sinh viên ngành ra trường có thể làm ở **những vị trí công tác cụ thể nào** (ứng với từng lĩnh vực mà ông/bà đã lựa chọn ở trên?)

STT	Lĩnh vực	Vị trí công tác
1		
2		

Phần 2 - Đánh giá các kỹ năng cứng cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành

15. Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kỹ năng cứng sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành.....? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

• Theo ông/bà, sinh viên tốt nghiệp ngành đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý ông/bà (nếu có) đã đạt được các kỹ năng cứng ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

STT	Các kỹ năng cứng	Mức độ cần thiết (1-Không cần thiết, 2-Ít cần thiết, 3-Không biết, 4-Cần thiết, 5-rất cần thiết)	Mức độ đạt được (1-Biết, 2-Tham gia, 3-Hiểu và giải thích, 4-Thực hành thành thạo, 5-lãnh đạo và sáng tạo)
1	Các kỹ năng nghề nghiệp 1.1..... 1.2.....	<p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>...</p>	<p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>...</p>
2	Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề 2.1..... 2.2.....	<p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>...</p>	<p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>① ② ③ ④ ⑤</p> <p>...</p>
3	Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức 3.1.....	<p>① ② ③ ④ ⑤</p>	<p>① ② ③ ④ ⑤</p>

STT	Các kỹ năng cứng	Mức độ cần thiết (1-Không cần thiết, 2-Ít cần thiết, 3-Không biết, 4-Cần thiết, 5-rất cần thiết)	Mức độ đạt được (1-Biết, 2-Tham gia, 3-Hiểu và giải thích, 4-Thực hành thành thạo, 5-lãnh đạo và sáng tạo)
	3.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ...
4	Khả năng tư duy theo hệ thống 4.1..... 4.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
5	Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh 5.1..... 5.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
6	Hiểu bối cảnh tổ chức 6.1..... 6.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
7	Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn 7.1..... 7.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
8	Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp 8.1..... 8.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...

16. Ngoài các kỹ năng cứng đã được liệt kê trong câu hỏi 15, theo quý Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành cần có thêm các kỹ năng cứng nào?

Xin ghi rõ các kỹ năng cứng đó.....
.....

Phần 3 - Đánh giá các kỹ năng mềm cần có của các cử nhân ngành

17. Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kỹ năng mềm sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

• Theo quý ông/bà, sinh viên tốt nghiệp ngành đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông/Bà (nếu có) đã đạt được các kỹ năng mềm ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn)

STT	Các kỹ năng mềm	Mức độ cần thiết (1-Không cần thiết, 2-Ít cần thiết, 3-Không biết, 4-Cần thiết, 5-rất cần thiết)	Mức độ đạt được (1-Biết, 2-Tham gia, 3-Hiểu và giải thích, 4-Thực hành thành thạo, 5-lãnh đạo và sáng tạo)
1	Kỹ năng nghề nghiệp 1.1..... 1.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
2	Làm việc theo nhóm 2.1..... 2.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
3	Quản lý lãnh đạo 3.1..... 3.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
4	Kỹ năng giao tiếp 4.1..... 4.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
5	Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ 5.1..... 5.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...

18. Ngoài các kỹ năng mềm với nhau đã được liệt kê trong câu hỏi 17, theo Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành ra trường cần có thêm các kỹ năng mềm nào:

Xin ghi rõ các kỹ năng mềm đó.....
.....

Phần 4 - Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm cần có của các cử nhân ngành.....

19. Quý ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của năng lực tự chủ và trách nhiệm sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

• Theo quý Ông/Bà, sinh viên tốt nghiệp ngành đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông/Bà (nếu có) đã đạt được các năng lực tự chủ và trách nhiệm này ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

STT	Các năng lực tự chủ và trách nhiệm	Mức độ cần thiết (1-Không cần thiết, 2-Ít cần thiết, 3-Không biết, 4-Cần thiết, 5-rất cần thiết)	Mức độ đạt được (1-Biết, 2-Tham gia, 3-Hiểu và giải thích, 4-Thực hành thành thạo, 5-lãnh đạo và sáng tạo)

STT	Các năng lực tự chủ và trách nhiệm	Mức độ cần thiết (1-Không cần thiết, 2-Ít cần thiết, 3-Không biết, 4-Cần thiết, 5-rất cần thiết)	Mức độ đạt được (1-Biết, 2-Tham gia, 3-Hiểu và giải thích, 4-Thực hành thành thạo, 5-lãnh đạo và sáng tạo)
1	Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân 1.1..... 1.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
2	Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với nghề nghiệp 2.1..... 2.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với xã hội 3.1..... 3.2.....	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...

20. Ngoài năng lực tự chủ và trách nhiệm đã được liệt kê trong câu hỏi 19, theo Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành ra trường cần có thêm những nào:

Xin ghi rõ các năng lực tự chủ và trách nhiệm đó

.....

Xin chân thành cảm ơn

Phụ lục 2: Kiểm tra tính hiệu lực của chuẩn đầu ra

(So sánh giữa CDR của chương trình đào tạo được xây dựng theo cách tiếp cận CDIO và tiêu chuẩn kiểm định của tổ chức kiểm định có uy tín và được công nhận rộng rãi)

Chuẩn đầu ra CDIO	Các tiêu chuẩn kiểm định										
	a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k
1. Kiến thức											
1.1. Kiến thức chung cho Đại học Huế	■										
1.2 Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo	■										
1.3. Kiến thức chung cho nhóm ngành	□										■
1.4. Kiến thức ngành và hỗ trợ											□
1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp		■									
2. Kỹ năng			□								
2.1. Kỹ năng cứng											
2.1 1. Các kỹ năng nghề nghiệp						■					□
2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề											
2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức											
2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống											
2.1.5. Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh									■		
2.1.6. Hiểu bối cảnh tổ chức											
2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn											
2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp											
2.2. Kỹ năng mềm											
2.2.1. Các kỹ năng cá nhân											
2.2.2. Làm việc theo nhóm											
2.2.3. Quản lý và lãnh đạo											
2.2.4. Kỹ năng giao tiếp											
2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ											
3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm											
3.1. Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân											
3.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp											
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội											

■ Tương quan mạnh (strong correlation)

□ Tương quan tốt (good correlation)

Phụ lục 4: Khung mẫu Chuẩn đầu ra

I. Giới thiệu chương trình

1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo: tiếng Việt và tiếng Anh
- Trình độ đào tạo
- Thời gian đào tạo
- Đối tượng sinh viên

2. Mục tiêu của chương trình

3. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

- Liệt kê khoảng 5-8 nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể làm được;
- Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

II. Chuẩn đầu ra của chương trình:

1. Về kiến thức:

- 1.1. Kiến thức chung trong Đại học Huế
- 1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo
- 1.3. Kiến thức chung của nhóm ngành
- 1.4. Kiến thức ngành và bổ trợ
- 1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

2. Về kỹ năng:

2.1. Kỹ năng cứng

- 2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp
- 2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề
- 2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức
- 2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống
- 2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
- 2.1.6. Bối cảnh tổ chức
- 2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn
- 2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

2.2. Kỹ năng mềm

- 2.2.1. Các kỹ năng cá nhân
- 2.2.2. Làm việc theo nhóm
- 2.2.3. Quản lý và lãnh đạo
- 2.2.4. Kỹ năng giao tiếp
- 2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ
- 2.2.6. Các kỹ năng mềm khác

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 3.1. Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân
- 3.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
- 3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội

III. Các điều kiện thực hiện chương trình

1. Điều kiện tuyển sinh

2. Thực hiện chương trình

Phụ lục 5: Mẫu phiếu điều tra về Khung chương trình

(Dành cho Khung chương trình nâng cấp hoặc khung chương trình được xây dựng mới dự kiến để Đánh giá khối lượng, nội dung và trình độ kiến thức cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành.....)

1. Dưới đây là khung chương trình dự kiến của ngành của(đơn vị đào tạo). Theo quý Ông/Bà:

1.1. Những môn học này có cần thiết để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp/tổ chức về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm làm việc không?

1.2. Số tín chỉ của các môn học có hợp lý không?. Nếu chưa hợp lý, quý ông/bà kiến nghị số đơn vị học trình cho các môn học đó là bao nhiêu?

	Môn học	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết (1-Không cần thiết, 2-Ít cần thiết, 3-Không biết, 4-Cần thiết, 5-rất cần thiết)	Mức độ đạt được (1-Biết, 2-Tham gia, 3-Hiểu và giải thích, 4-Thực hành thành thạo, 5-lãnh đạo và sáng tạo)	Kiến nghị số tín chỉ
I	Khối kiến thức chung của ĐHH				
1	Môn học 1:		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
2		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo				
...		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
III	Khối kiến thức chung cho nhóm ngành				
...		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
IV	Khối kiến thức ngành và bổ trợ				
...		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
IV	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp		1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
	Tổng số tín chỉ				

2. Theo quý Ông/Bà, sinh viên tốt nghiệp ngành đang (hoặc sẽ) làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông/Bà đã (hoặc cần) lĩnh hội kiến thức từ các môn học trong chương trình ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

(1) Biết (2) Hiểu (3) Áp dụng linh hoạt (4) Phân tích và tổng hợp (5) Đánh giá và sáng tạo

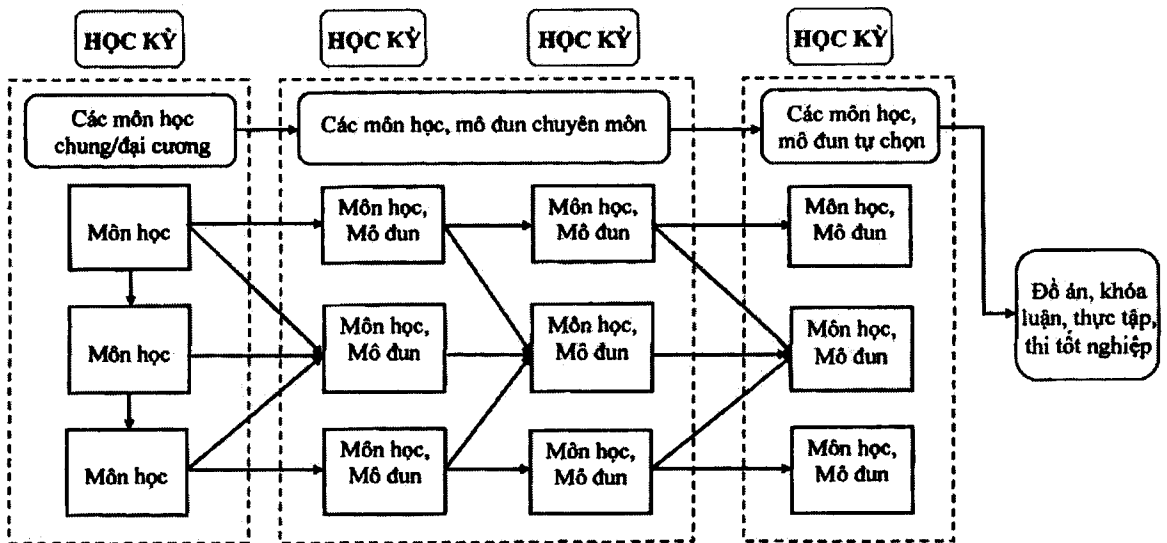
3. Theo Ông/Bà, nên bổ sung môn học nào dưới đây vào khung chương trình Ngành (Khoanh tròn vào phương án lựa chọn)?

STT	Môn học	Lựa chọn 1. Nên bổ sung 2. Không nên bổ sung
1	Môn học 1	
2	Môn học 2	
...	

Phụ lục 6: Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của các môn học trong chương trình

Môn học	1	2	3	4	5	6	7	8	...
Chuẩn đầu ra									
1. Kiến thức									
1.1. Kiến thức chung cho Đại học Huế									
1.2 Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo									
1.3. Kiến thức chung cho nhóm ngành									
1.4. Kiến thức ngành và bổ trợ									
1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp									
2. Kỹ năng									
2.1. Kỹ năng cứng									
2.1 1. Các kỹ năng nghề nghiệp									
2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề									
2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức									
2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống									
2.1.5. Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh									
2.1.6. Hiểu bối cảnh tổ chức									
2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn									
2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp									
2.2. Kỹ năng mềm									
2.2.1. Các kỹ năng cá nhân									
2.2.2. Làm việc theo nhóm									
2.2.3. Quản lý và lãnh đạo									
2.2.4. Kỹ năng giao tiếp									
2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ									
3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm									
3.1. Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân									
3.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp									
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội									

Phụ lục 7. Trình tự đào tạo các môn học



Phụ lục 8: 12 tiêu chuẩn CDIO và các câu hỏi chủ yếu

Tiêu chuẩn 1: Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn là bối cảnh của đào tạo

- Sứ mạng của trường và các mục tiêu của chương trình phản ánh việc áp dụng nguyên lý “năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn là bối cảnh của đào tạo” ở mức độ nào?
- Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn được thể hiện trong khung chương trình ở mức độ nào?

Tiêu chuẩn 2: Kết quả học tập

- Chuẩn đầu ra của chương trình nhất quán với các mục tiêu của chương trình và được phê chuẩn bởi các bên liên quan của chương trình ở mức độ nào?
- Các bên liên quan đã hỗ trợ việc xác định chuẩn đầu ra và trình độ năng lực mong muốn cho mỗi chuẩn đầu ra như thế nào?

Tiêu chuẩn 3: Khung chương trình tích hợp

- Các chuẩn đầu ra được tích hợp vào trong chương trình đào tạo như thế nào?
- Đến mức độ nào chương trình đào tạo được thiết kế với các môn học chuyên ngành hỗ trợ lẫn nhau, với một kế hoạch rõ ràng nhằm tích hợp các chuẩn đầu ra vào từng môn học?

Tiêu chuẩn 4: Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành

- Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đã hiệu quả như thế nào trong giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra?
- Đến mức độ nào các môn học trong khối kiến thức cơ sở ngành khuyến khích mỗi quan tâm của sinh viên, và tăng cường động cơ của sinh viên trong việc ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn?

Tiêu chuẩn 5: Trải nghiệm - Thực hành

- Chương trình đào tạo có bao gồm ít nhất hai trải nghiệm thiết kế - thực hành, bao gồm một trải nghiệm ở trình độ cơ bản và một ở trình độ nâng cao hay không?
- Các cơ hội để áp dụng kiến thức vào thực tiễn được bao hàm trong chương trình đào tạo và trong các hoạt động ngoại khóa tùy chọn như thế nào?

Tiêu chuẩn 6: Môi trường học tập để khuyến khích sinh viên phát triển năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn

- Các không gian làm việc và các môi trường học tập khác hỗ trợ cho việc học hành và trải nghiệm thực tế như thế nào?
- Đến mức độ nào các sinh viên được sử dụng các cơ sở vật chất và phương tiện học tập hiện đại, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội để phát triển kiến thức, các kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm hỗ trợ cho việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn?
- Các không gian làm việc và môi trường học tập có lấy sinh viên làm trọng tâm không? (ví dụ: để sử dụng, mở cửa ngoài giờ...)

Tiêu chuẩn 7: Kinh nghiệm/Trải nghiệm học tập tích hợp

- Có các trải nghiệm học tập tích hợp giúp sinh viên dễ dàng hơn trong việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành, cũng như các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, và năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn hay không?
- Các trải nghiệm học tập tích hợp đã kết hợp các vấn đề chuyên ngành vào các bối cảnh xã hội và tổ chức như thế nào?

Tiêu chuẩn 8: Học tập chủ động

- Các phương pháp học chủ động và trải nghiệm đã đóng góp vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình như thế nào?

- Đến mức độ nào các phương pháp giảng dạy và học tập dựa chưa các tiếp cận lõi cuốn sinh viên một cách trực tiếp vào các hoạt động tư duy và giải quyết vấn đề?

Tiêu chuẩn 9: Tăng cường năng lực về các kỹ năng của giảng viên

- Các hoạt động nâng cao năng lực của giảng viên về các kỹ năng và năng lực trong chuẩn đầu ra đã được hỗ trợ và khuyến khích như thế nào?

Tiêu chuẩn 10 – Nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên

- Những hoạt động nào đã được tiến hành để nâng cao năng lực của giảng viên trong việc mang lại các trải nghiệm học tập tích hợp, trong việc sử dụng các phương pháp học chủ động trải nghiệm và trong việc đánh giá học tập của sinh viên?

Tiêu chuẩn 11: Đánh giá học tập của sinh viên

- Việc đánh giá học tập của sinh viên về các kỹ năng cá nhân và giao tiếp; năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn và kiến thức chuyên ngành được lồng vào trong chương trình như thế nào?
- Mức độ đạt được các chuẩn đầu ra của sinh viên được đo lường và ghi chép lại như thế nào?
- Các sinh viên đã đạt được những gì so với các chuẩn đầu ra của chương trình?

Tiêu chuẩn 12: Đánh giá chương trình

- Có một quy trình mang tính hệ thống để kiểm định chương trình theo 12 Tiêu chuẩn CDIO hay không?
- Đến mức độ nào các kết quả kiểm định được cung cấp cho sinh viên, giảng viên và các bên liên quan khác cho các mục đích cải tiến liên tục?
- Tác động tổng thể của chương trình là gì?

Phụ lục 9: Các mức đánh giá trong 12 tiêu chuẩn CDIO

Mức đánh giá	Mô tả
0	Không có kế hoạch xây dựng và thực hiện chương trình
1	Có kế hoạch sơ bộ ban đầu để xây dựng và thực hiện chương trình
2	Có kế hoạch chi tiết về xây dựng và thực hiện chương trình
3	Có kế hoạch hoàn thiện về xây dựng chương trình và đang tiến hành thực hiện chương trình
4	Có kế hoạch hoàn thiện về xây dựng chương trình và thực hiện tốt chương trình, có kế hoạch nâng cấp chương trình.

Phụ lục 10: Mẫu đề án xây dựng chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO

1. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo

- Vai trò, ý nghĩa của ngành đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ.
- Nhu cầu về nhân lực của ngành đào tạo.
- Thực trạng của ngành đào tạo hiện nay ở Việt Nam nói chung và ở đơn vị đào tạo nói riêng.
- Ý nghĩa của cách tiếp cận CDIO trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo
- Các luận cứ khác

2. Xác định nhu cầu xã hội

3. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt Nam

- Thế giới:
 - Tình hình đào tạo
 - Thu thập và đánh giá một số khung chương trình đào tạo của các trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới. Thống kê khoảng 02 khung chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) ngành dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web

- Việt Nam
 - Tình hình đào tạo
 - Thu thập và đánh giá một số khung chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín ở Việt Nam. Thống kê khoảng 02 khung chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) ngành dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web

- Chương trình đào tạo của Trường ĐH tiên tiến ở nước ngoài được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị:

4. Tuyển sinh:

- Đối tượng dự thi:
- Khó thi:
- Kế hoạch tuyển sinh

5. Điều kiện tổ chức đào tạo của đơn vị:

- Đội ngũ CBGD tham gia giảng dạy chương trình: Số giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng, số GS, PGS, TSKH, TS, Th.S, CN

- Cơ sở vật chất: Giảng đường (số lượng, diện tích), phòng thí nghiệm (tên, diện tích, trang thiết bị, ...), các cơ sở thực tập, thực tế, thư viện, học liệu, trang thiết bị, phương tiện giảng dạy).

- Các hợp tác, liên kết về đào tạo, NCKH liên quan.

6. Chương trình đào tạo

6.1. Tên ngành (Tiếng Việt và Tiếng Anh)

6.2. Hệ đào tạo

6.3. Danh hiệu tốt nghiệp (kỹ sư, cử nhân)

6.4. Thời gian đào tạo

6.5. Đơn vị đào tạo

6.6 Mục tiêu đào tạo:

6.6.1. Mục tiêu chung

6.6.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra)

- Kiến thức

- Kỹ năng: gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: gồm năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp và năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội...

- Định hướng nghề nghiệp

6.7. Nội dung đào tạo

6.7.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

- Khối kiến thức chung trong Đại học Huế:

- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo:

- Khối kiến thức chung của khối ngành:

- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:

- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:

- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:

6.7.2 Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung					
1							
2							
...							
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực					
...							
...							
III		Khối kiến thức chung theo nhóm ngành					
<i>III.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>					
...		...					

<i>III.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>						
...		...						
IV		Khối kiến thức ngành và bổ trợ						
<i>IV.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>						
...		...						
<i>IV.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>						
...		...						
V		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp						
...		...						
Tổng số								

6.7.3. Kế hoạch thực hiện nội dung chương trình

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	...		
I		Khối kiến thức chung											
1				x									
2				x									
...													
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực											
...						x							
...						x							
III		Khối kiến thức chung theo nhóm ngành											
<i>III.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>											
...		...								x			
<i>III.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>											
...		...								x			
IV		Khối kiến thức ngành và bổ trợ											
<i>IV.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>											
...		...										x	
<i>IV.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>											
...		...										x	
V		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp											
...		...											x
Số tín chỉ / học kỳ													

7. Tóm tắt nội dung môn học:

Mỗi môn học tóm tắt theo mẫu sau:

- Số thứ tự, mã số môn học, tên môn học bằng Tiếng Việt, số tín chỉ
- Môn học tiên quyết: Mã số môn học và tên môn học tiên quyết)
- Tóm tắt nội dung môn học
- Phương pháp giảng dạy:
- Phương pháp kiểm tra đánh giá:
- Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên sách, năm xuất bản)

8. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra

	Chuẩn đầu ra	CĐR1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	...
Môn học							
Môn học 1							
Môn học 2							
...							

9. Danh mục học liệu (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình): (Mỗi môn học phải có ít nhất 3 học liệu bắt buộc và một số học liệu tham khảo):

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản

10. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình):

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Cán bộ giảng dạy				
				Họ tên	Chức danh KH, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác	...

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

12. Bảng đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

TT	Tên môn học trong chương trình đào tạo	Tên môn học trong chương trình đào tạo được tham khảo	Phần trăm nội dung giống nhau
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

13. Tài liệu tham khảo:

- Khung chương trình đào tạo tham khảo của Trường Đại học nước ngoài và trong nước đã sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo (tên môn học, thời lượng, tóm tắt nội dung môn học).
- Các tài liệu liên quan khác

Phụ lục 11: Mẫu đề cương chi tiết học phần

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (TÊN HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT) – Lưu ý viết in hoa (Tên học phần tiếng Anh) – Lưu ý viết in thường

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã số học phần:

1.2. Số tín chỉ:

1.3. Thuộc chương trình đào tạo trình độ:, hình thức đào tạo:

1.4. Loại học phần (bắt buộc, tự chọn):

1.5. Điều kiện tiên quyết:

1.6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : tiết
- Làm bài tập trên lớp : tiết
- Thảo luận : tiết
- Thực hành, thực tập (ở cơ sở, điền dã,...) : tiết
- Hoạt động theo nhóm : tiết
- Tự học :tiết

2. Mục tiêu của học phần (khoảng 100 từ)

3. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Kiến thức

2.2. Kỹ năng

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

5. Nội dung chi tiết học phần (ghi tên các phần, chương, mục, tiểu mục...vào cột (1)) và phân bổ thời gian (ghi số tiết hoặc giờ trong các cột (2), (3), (4), (5), (6)).

Nội dung (Ghi chi tiết đến từng bài dạy của từng chương)	Hình thức tổ chức dạy học học phần				
	Lên lớp (số tiết)				SV tự nghiên cứu, tự học
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận nhóm	Thực hành, thí nghiệm, thực tập	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chương 1.					
1.1.					
1.2.					
1.2.1.					

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính (Giáo trình chính)

5.2. Tài liệu tham khảo

6. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

6.1. Thang điểm đánh giá

- Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

6.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình

Có trọng số tối đa là 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- Điểm chuyên cần: 10 %.

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, Semina, bài tập: 10 %.

- Điểm giữa kỳ: 20 %

6.3. Điểm thi kết thúc học phần

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số là 60%.

- Hình thức thi (*tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức*):

7. Thông tin về giảng viên: (Họ tên, học hàm, học vị, email, điện thoại, đơn vị công tác).

Giảng viên thứ nhất.

Giảng viên thứ hai.

Lãnh đạo đơn vị đào tạo

(ký và họ tên)

Giảng viên thứ nhất

(ký và họ tên)

Giảng viên thứ hai

(ký và họ tên)